

THÀNH PHỐ NHƯ MỘT DIỄN NGÔN: SỰ KIẾN TẠO KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ TRONG *THỊ DÂN TIỂU THUYẾT* CỦA NGUYỄN VIỆT HÀ

Trần Minh Tùng

Học viện Khoa học Xã hội – Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu tác phẩm “Thị dân tiểu thuyết” của Nguyễn Việt Hà từ góc độ diễn ngôn, kết hợp phân tích diễn ngôn với khái niệm “heterotopia” của Michel Foucault, nhằm làm nổi bật cách thức thị dân và không gian đô thị được kiến tạo trong văn bản văn học. Qua hai luận điểm chính, thị dân như một chủ thể năng động trong không gian đô thị và thành phố như một không gian dị biệt trong quá trình kiến tạo diễn ngôn, bài viết làm rõ sự vận động phức hợp giữa các cấu trúc quyền lực, ký ức và quá trình kiến tạo cũng như tự diễn giải của chủ thể. Từ đó, bài viết chỉ ra cách Nguyễn Việt Hà triển khai một diễn ngôn tái kiến tạo ý niệm về Hà Nội trong tâm thức thị dân. Tiểu thuyết vì vậy được tiếp cận như một không gian diễn ngôn, nơi ký ức, lịch sử, quyền lực và bản sắc không ngừng được diễn giải và tái cấu trúc.

Từ khóa: Không gian, thành phố, diễn ngôn, heterotopia, thị dân, Thị dân tiểu thuyết, Nguyễn Việt Hà.

Nhận bài ngày 28.3.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 25.07.2025

Liên hệ tác giả: Trần Minh Tùng; Email: minh tung.clck59.601@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiểu thuyết đô thị trong văn học Việt Nam đương đại ngày càng hiện diện phong phú và đa dạng, nổi bật với việc khắc họa đời sống thị dân và phản ánh những biến đổi sâu sắc trong cấu trúc xã hội cũng như ý thức cá nhân dưới tác động của quá trình đô thị hóa. Trong dòng chảy này, Nguyễn Việt Hà là một trong những tác giả tiêu biểu, với sở trường ở thể loại tiểu thuyết, đã để lại những dấu ấn đặc sắc trong việc khám phá đời sống đô thị, thể hiện những quan sát và suy tư có chiều sâu về con người thị dân trong mối quan hệ phức tạp với không gian sống. Dưới góc độ phân tích diễn ngôn, bài viết tập trung nghiên cứu *Thị dân tiểu thuyết* của Nguyễn Việt Hà, nhằm góp phần làm sáng tỏ cách tác phẩm kiến tạo diễn ngôn về không gian đô thị như một không gian cởi mở, linh động, trong đó hình tượng thị dân vừa hiện lên như một chủ thể tích cực kiến tạo ý nghĩa cho không gian sống, vừa như một đối tượng bị diễn giải và định hình trong chính không gian đô thị ấy, qua đó nhìn thấy quan niệm nghệ thuật của tác giả về không gian đô thị.

Diễn ngôn là một khái niệm liên ngành, khái niệm này không được xây dựng nền tảng trong một hệ thống lí thuyết tổng thể đã hoàn thiện, mà chỉ là một yếu tố trong tổng thể công trình tư tưởng của M. Foucault. Diễn ngôn được nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực như ngôn ngữ học, ngôn ngữ học phê phán và tâm lý học xã hội. Do đó, đây là khái niệm linh hoạt khi vận dụng để quan sát những hiện tượng xã hội. Một trong những cách tiếp cận hiệu quả nhất để hiểu về diễn ngôn, không phải xem nó như một tập hợp các kí hiệu hay một chuỗi văn bản như cách tiếp cận ngôn ngữ học, mà như M. Foucault quan niệm, là “*thực hành tạo thành một cách hệ thống các đối tượng mà chúng đề cập đến*” (dẫn theo S. Mills) [4; tr.17]. Theo nghĩa này, diễn ngôn không được quan niệm như một hiện tượng tồn tại độc lập và có thể được phân tích trong trạng thái rời rạc, mà diễn ngôn luôn mang tính xã hội.

Một cấu trúc diễn ngôn có thể được nhận diện thông qua tính hệ thống của các ý tưởng, quan điểm, khái niệm, cách tư duy, hành vi được hình thành trong một ngữ cảnh cụ thể, cũng như qua những quy tắc điều phối mà nhờ nó các tư duy và hành vi ấy được hình thành. Khi suy nghĩ về diễn ngôn dưới góc nhìn của những quy tắc, hay những hệ quả mà quy tắc ấy tạo ra, cần xem xét đến các

yếu tố như chân lí, quyền lực và tri thức, bởi chính nhờ các yếu tố này mà diễn ngôn mới có sự tác động. Với Foucault, chân lí không phải điều vốn có trong phát ngôn hay nhận thức về đời sống, ông coi đó là một dạng “bạo lực” với đời sống: “*Chân lí thuộc về thế giới; nó được sản sinh ra trong đó bởi nhiều dạng cưỡng bức khác nhau... Mỗi xã hội đều có một chế độ chân lí mang tính phổ quát: tức là các loại diễn ngôn mà xã hội chứa đựng và khiến chúng vận hành như là chân lí; các cơ chế cho phép phân biệt phát ngôn là đúng hay sai; cách thức mỗi loại được thừa nhận; các kĩ thuật và biện pháp được đề cao trong khám phá chân lí; địa vị của những người có quyền phát ngôn điều gì được xem là đúng*” (dẫn theo S. Mills) [4; tr.18]. Từ quan niệm này của Foucault, có thể thấy diễn ngôn về thành phố cần được đặt trong mối quan hệ giữa tri thức và quyền lực, trong đó chủ thể thị dân không chỉ là người quan sát, sống trong thành phố, mà còn là người tham gia vào quá trình định nghĩa, sắp xếp, điều tiết các ý nghĩa gắn liền với không gian đô thị.

Sáng tác của Nguyễn Việt Hà là hiện tượng nổi bật viết về đề tài tôn giáo và đô thị trong văn học Việt Nam đương đại, có thể kể đến như *Giọng của phố*, *Cơ hội của Chúa*, *Con giai phố cổ*, *Khải huyền muộn*,... mà trong đó, hình tượng thị dân thường đóng vai trò quan trọng. Nối tiếp mạch sáng tác này, *Thị dân tiểu thuyết* khai thác đề tài đô thị và thị dân. Tác phẩm không chỉ nói về những nhân vật rất cụ thể là các cá nhân sống trong một khu phố như Tùng, ông Lâm hay những thị dân, mà thực tế là một nỗ lực sáng tạo nhằm mang đến cái nhìn bao quát về một khu vực trong đô thị Hà Nội qua tiến trình thời gian. Đô thị là hình tượng trung tâm của tiểu thuyết, được khắc họa tinh thần từ hình tượng cổ xưa, đến Thăng Long - Kẻ Chợ, rồi Hà Nội thuộc địa - hậu thuộc địa, cho đến những dự cảm về tương lai, được đặt trong những mối quan hệ phức tạp của kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội,... Tất cả được thu tóm bằng tư duy tiểu thuyết của Nguyễn Việt Hà. Các sáng tác của Nguyễn Việt Hà đã nhận được sự quan tâm của cả độc giả và giới phê bình, nghiên cứu, trở thành một hiện tượng sống động của văn học đô thị Việt Nam. Các hướng nghiên cứu chủ yếu về sáng tác của ông hiện nay có thể kể đến như hướng nghiên cứu tiểu thuyết từ góc nhìn nhân học đô thị, từ điểm nhìn thi pháp học và tư duy tiểu thuyết như các nghiên cứu của Đinh Thị Thu Huyền, Lê Thị Loan,... Các hướng nghiên cứu này có sự gặp gỡ nhất định với các hướng nghiên cứu nhìn từ cảm quan đô thị, mối quan hệ giữa nhà văn và đô thị của Đoàn Ánh Dương, Phùng Ngọc Kiên, Nguyễn Đình Doanh hay hướng nghiên cứu diễn ngôn đô thị của Trần Văn Toàn.

Kế thừa và nối tiếp các hướng nghiên cứu trên, việc nghiên cứu *Thị dân tiểu thuyết* của Nguyễn Việt Hà từ lí thuyết diễn ngôn không chỉ nhằm khảo sát một tác phẩm văn học đô thị, mà còn là cơ hội để phân tích cách tiểu thuyết này kiến tạo nên một không gian đô thị như một thực thể diễn ngôn, nơi hình tượng thị dân vừa là chủ thể kiến tạo ý nghĩa, vừa là đối tượng bị kiến tạo trong mạng lưới quyền lực - tri thức của xã hội đô thị đương đại.

2. NỘI DUNG

2.1. Thị dân như chủ thể động trong không gian đô thị

2.1.1. Thị dân và quá trình diễn giải trong đô thị

Trong nghiên cứu diễn ngôn về đô thị Hà Nội trong văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX, Trần Văn Toàn đã phân tích và chứng minh đô thị trong văn học không bao giờ là một đối tượng đơn lập, mà luôn chịu sự diễn giải, luôn được cắt nghĩa, tồn tại “*xung đột giữa văn minh và văn hoá*” [7; tr.337], được tạo dựng như là nơi “*hình thành một ranh giới giữa trung tâm và ngoại vi*” [7; tr.339]. Ý tưởng về đô thị như một đối tượng luôn trong tình trạng bị diễn giải bởi chủ thể thị dân đã được M. Foucault đề cập đến trong bài luận *Of other spaces*: “*Và có thể, đời sống của chúng ta vẫn còn bị chi phối bởi một số cặp đôi lập mà ta xem là bất khả xâm phạm, những đối lập mà các thiết chế và thực hành của chúng ta vẫn chưa dám phá vỡ. Đó là những đối lập mà chúng ta coi là điều hiển nhiên: chẳng hạn như giữa không gian riêng tư và không gian công cộng, giữa không gian gia đình và không gian xã hội, giữa không gian văn hoá và không gian chức năng, giữa không gian giải trí và không gian lao động. Tất cả những đối lập ấy vẫn được nuôi dưỡng bởi sự hiện diện tiềm ẩn của tính thiêng. Công trình đồ sộ của Bachelard cùng với các mô tả của các nhà hiện tượng học đã dạy chúng ta rằng ta không sống trong một không gian đồng chất và trống rỗng, mà ngược lại, trong một không gian thấm đẫm các đại lượng và có lẽ cả những tưởng tượng.*” [3; tr.23]. Trong cách cắt nghĩa của Foucault, thị dân, chủ thể sống trong không gian đô thị, có khả năng diễn giải và tái tạo không gian sống, chủ động diễn giải đô thị thành “*một mạng lưới các quan hệ, nơi hình thành nên những địa điểm vốn không thể quy giản vào nhau và hoàn toàn không thể chồng lấp lên nhau*” [3; tr.23]. Quá trình diễn giải trong không gian đô thị là cách con người chủ thể thị dân ấy kiến tạo ý

nghĩa riêng cho không gian sống của bản thân, với “*các đại lượng*” và “*những tưởng tượng*”, theo cách nói của Foucault. Thông qua quá trình diễn giải ấy, không gian đô thị được thể hiện với tư cách không chỉ là một không gian thuần túy vật lý, mà là kết quả của các lớp diễn ngôn, kí ức, quyền lực, ý thức cá nhân và cộng đồng.

Hà Nội trong tiểu thuyết của Nguyễn Việt Hà không phải một thành phố - thực thể tĩnh, mà luôn được chi phối bởi cái nhìn chủ quan và các diễn ngôn, điều hướng của tầng lớp thị dân. Thị dân không đơn thuần tiếp nhận giá trị có sẵn mà luôn điều chỉnh ý nghĩa của chúng. Quá trình tạo lập diễn ngôn này, trước hết, đó là tư duy về không gian và thời gian sống của bản thân thị dân. Từ đầu tiểu thuyết, không gian phố đã hiện lên với chiều sâu của thời gian và sự diễn giải mang màu sắc huyền thoại về không gian: phố từng có núi. Tư duy thị dân luôn kiến tạo không gian sống của mình như một không gian đầy giá trị, ít nhất là trong quá khứ: câu chuyện về loài hoa bạch bạch độc nhất “*chỉ nở khi phố sinh quý nhân*” [6; tr.151] như biểu tượng cho phần hồn cốt sâu sắc nhất, tinh thần khái quát nhất của đời sống thị dân cũ, giúp các mối quan hệ xóm làng được điều hòa bởi một hệ giá trị mang tính biểu tượng. Diễn giải và kiến tạo không gian đô thị là quá trình liên tục lựa chọn và điều chỉnh ý nghĩa của thị dân. Không gian phố từng là không gian yên tĩnh: miếu cô Hai, đền Bạch Vân, chỉ đến khi có những kiến tạo không gian thuộc địa chen vào như mây quán cà phê quanh khách sạn Metropole mới có sự xao động. Từ một không gian thuần túy mang màu sắc huyền thoại, diễn ngôn về phố dần thay đổi, không ngừng điều chỉnh và tái diễn giải các giá trị truyền thống. Không gian phố có thêm những công trình mới, nhưng vẫn được chấp nhận vì mang tính hoà giải, “*toà nhà thờ mới dựng ở phố đậm nét Opus Francigenum, nhưng vì nó nhỏ nên tựa tựa như một ngôi đền Á Đông*” [6; tr.167], hay như những bức tranh nhập từ Paris hoà phối với câu đối mang màu sắc truyền thống. Không gian Hà Nội trong tiểu thuyết từng đối diện với sự xâm thực công khai của thực dân, kèm theo đó là những giá trị mới. Những nhà thờ bắt đầu xuất hiện bên cạnh chùa và đền, thậm chí chiếm đoạt không gian truyền thống, khiến cho thị dân từng phản ứng dữ dội “*kéo đến đền chùa Thạch Bà ủng hộ cụ hoà thượng trụ trì tuyệt thực*” [6; tr.35], nhưng cũng rất nhanh, những chủ thể ấy diễn giải và cấu trúc lại diễn ngôn, thay vì bài trừ, đã chấp nhận sự hoà giải “*chấp nhận ngõ Ông mang tên cô Lan*” [6; tr.169].

Thông qua sự mô tả lại quá trình diễn giải và kiến tạo ý nghĩa đô thị của tầng lớp thị dân, có thể thấy rằng: thị dân tạo lập những diễn ngôn về đô thị là tổng hoà của những thực hành xã hội, liên tục xây dựng, thay đổi, bồi tụ cho đô thị ý nghĩa. Thị dân cùng với bối cảnh lịch sử xã hội, cùng với chính đối tượng là đô thị, đã trở thành “*một bộ máy phức tạp để sản xuất những diễn ngôn*” [5; tr.109]. Diễn ngôn về đô thị mà thị dân xây dựng không chỉ là những lời nói, nhận định nhận xét về không gian, mà luôn bao hàm trong đó toàn bộ những hành động thực tiễn và quy tắc hành xử. Không gian phố không đơn thuần là các địa điểm vật lí như miếu, đền, nhà thờ, khách sạn,... mà là kết quả của quá trình suy tư, diễn giải và tái tạo lại nhận thức của thị dân. Hình ảnh “*phố từng có núi*” hay “*hoa bạch bạch chỉ nở khi phố sinh quý nhân*” trong tư duy tiểu thuyết chắc chắn không chỉ là sự miêu tả về đô thị cổ, mà là những hình thức huyền thoại của một sản phẩm được sinh ra từ quá trình trải nghiệm và ghi nhớ lịch sử của lớp thị dân cũ, giúp hình thành nên một không gian mang giá trị cảm xúc, khơi gợi hoài niệm và nhân mạnh vào tính chất đặc biệt cũng như ánh nhìn ngưỡng mộ về văn hoá trong quá khứ. Foucault khẳng định diễn ngôn là công cụ sản sinh ra tri thức cũng như định hình quyền lực, như trong *Giám sát và trừng phạt*, ông lập luận rằng quá trình định hình diễn ngôn luật pháp thực tế là sự sản xuất tri thức về hành vi phạm tội cùng quá trình lên ngôi của giai cấp tư sản, mà ông gọi đó là “*giữa siêu quyền lực và quyền lực cấp thấp, có cả một mạng lưới quan hệ đã được kết nối*” [1; tr.119]. Đặt vào bối cảnh diễn ngôn về đô thị mà thị dân kiến tạo trong tiểu thuyết, giá trị truyền thống của đô thị cổ Hà Nội không tự nhiên tồn tại, cũng không phải được sinh ra một cách yên bình, mà được kiến tạo từ trong một quá trình đấu tranh, cả ngầm ẩn lẫn công khai. Khi các giá trị mới của văn hoá thực dân xâm thực vào, thị dân phản kháng những diễn ngôn mới, nhưng không đơn thuần là sự chịu đựng, mà đã có những hành vi thích ứng, tái cấu trúc và tái diễn giải những giá trị cũ. Quá trình chấp nhận hoà giải đó thể hiện từ những tiểu tiết nhỏ nhất như hình dáng của ngôi kiến trúc phương Tây mang màu sắc Đông phương, cho đến việc chấp nhận tên một vị cô đạo được đặt thành tên gọi cho một con ngõ, đều thể hiện sự chuyển hoá rất tinh vi và chậm rãi. Đó là minh chứng cho quá trình thị dân tự điều chỉnh, tạo nên một diễn ngôn sống động, phản ánh mối liên hệ phức tạp, không chỉ là kẻ thù mà còn là một đối tượng cần chung sống giữa các lực lượng quyền lực khác nhau (thị dân, thực dân, các giáo phái) trong xã hội. Sự chấp nhận

này nên được coi như sự hoà hợp và chuyển động về mặt nhận thức. Thị dân, qua đó, bộc lộ mình như những chủ thể năng động, sẵn sàng điều chỉnh ý nghĩa của những đô thị truyền thống.

Ngoài mối quan hệ đối kháng giữa các diễn ngôn trên, thị dân còn kiến tạo những diễn ngôn tôn giáo phức tạp, trong thế vừa đối kháng đấu tranh vừa tan hoà và sản sinh ra những diễn ngôn mới. Từ chuyện những ngôi nhà thờ và các cha xứ đạo chiếm đất của nhà chùa, thị dân hướng đến những diễn ngôn hoà giải về tôn giáo, và kéo theo đó là diễn ngôn hoà giải dân tộc, nối tiếp sự linh hoạt, cởi mở trong tư duy của thị dân. Đó là những ngôi nhà thờ mọc lên giữa phố nhưng đường nét trang trí mang đậm màu sắc dân tộc và truyền thống, “*Đức Bà bé Chúa Hà Đông mặc yếm đào, ông thánh Giu Se thì quần khăn đầu rìu [...] phảng phất nét vất vả của người nông dân Việt*” [6; tr.85]. Không gian phố không còn là không gian thuần truyền thống, mà là nơi chêm xen và pha tạp các tôn giáo Phật - Mẫu - Thiên Chúa. Không chỉ công khai trong những nhận định, phát ngôn về tôn giáo như “*mọi sự có thể đều Không nhưng ở trong vòng luân hồi của tam giới thì chắc chắn là có Chúa*” [6; tr.127], hay “*Làm ác đều rất dễ, và khi dễ thì sẽ tha hoá. Bỏ tham là vô cùng khó. Kiểm chế được nóng giận là khó vô cùng. Có điều, khi vất vả làm xong một việc thiện, người ta thường thanh thản hơn*” [6; tr.124] mà nó còn tiềm tàng trong ý thức thị dân. Nhân vật bà mẹ có phát ngôn rất tự nhiên nhưng lại chứa nghịch lí: “*tôi ăn chay chuộc tội cho con trai ông*” [6; tr.113], hướng đến ý niệm của Kitô giáo (chuộc tội) bằng cách thực hành hành động mang tính Phật giáo (ăn chay). Khác với sự đan xen đề hướng đến mĩa mai, kháng chống lại những diễn ngôn quyền lực, những kiến tạo diễn ngôn mới của con người thị dân trong ứng xử với các tôn giáo lại hướng đến những diễn ngôn hoà giải dân tộc và dung hợp tôn giáo. Diễn ngôn mà thị dân tự kiến tạo không chỉ phản ánh thực tại mà còn tham gia vào quá trình tái cấu trúc không gian xã hội. Khi thị dân liên tục tạo ra và làm mới những diễn ngôn về tôn giáo, chính trị, văn hoá trong không gian đô thị, họ đã thuộc về guồng quay này. Sự đan xen lẫn lộn của các tôn giáo khác nhau như Phật, Mẫu, Thiên Chúa trong không gian đô thị là ví dụ điển hình cho việc tái cấu trúc không gian xã hội. Sự pha trộn yếu tố tôn giáo mà chính thị dân là chủ thể tạo ra nó, như việc ngôi nhà thờ mang đặc điểm văn hoá dân tộc, hay những phát ngôn như chen lẫn Phật giáo và Thiên Chúa giáo, rằng Chúa tồn tại trong vòng luân hồi tam giới là sự pha trộn của các yếu tố này, khẳng định sự hoà nhập những hệ thống giá trị khác nhau vào không gian xã hội mà thị dân sống trong. Đây là quá trình tạo ra những không gian mới, nơi các diễn ngôn tương tác, thay thế và hoà quyện nhau, cho thấy vai trò chủ thể mà thị dân chủ động giành lấy và kiến tạo tri thức trong hệ thống quyền lực tôn giáo.

2.1.2. Thị dân và quá trình được kiến tạo trong đô thị

Tiến xa hơn, thị dân - đối tượng của những kiến tạo diễn ngôn, còn được khắc hoạ như một hình tượng động trong những diễn ngôn khác nhau về đô thị, được khắc hoạ trong diễn ngôn hoài niệm hay diễn ngôn phê phán. Thị dân không tồn tại như một bản thể cố định mà là một đối tượng được tạo ra, tái tạo, liên tục sinh ra các khả thể trong dòng chảy của diễn ngôn đô thị. Trong quá trình đó, thành phố hiện lên như một xung lực không thể thiếu trong quá trình xây dựng, kiến tạo hình tượng thị dân.

Trong diễn ngôn hoài niệm, thị dân hiện lên như những con người mang nặng quá khứ, chênh vênh giữa kí ức về Hà Nội vàng son quá khứ và Hà Nội phồn tạp hiện tại. Đó là sự tưởng nhớ về thời gian quá khứ, với những công trình kiến trúc và những cảnh quan của đô thị Hà Nội, “*mẹ tôi quanh quẩn cả đời chỉ đi xích lô theo tuyến Hàng Gai rẽ trái Hàng Đào. Lúc tan chợ về nhà thì theo Thuốc Bắc, Hàng Mành*” [6; tr.121], hoài niệm về ngôi nhà trong kí ức “*cái nhà hương hoả nhưng nhưc bao kỉ niệm*” [6; tr.123]. Sự hoài niệm về quá khứ vàng son khiến hình tượng con người thị dân được kiến tạo trong diễn ngôn cũng là những con người trong sáng, đáng trọng, có cả phần lịch lãm như nhân vật ông Thành trong dòng hồi tưởng của Tùng là người đã quyết định “*tự tử bằng hoa*” [6; tr.141], khi tuyết thực đã mua hoa phủ kín phòng mình. Người trần thuật công nhận những giá trị của đô thị có được ngày hôm nay là do có sự kế thừa từ người đi trước, và khẳng định giá trị của lớp người vàng son trong hoài niệm. Diễn ngôn hoài niệm kiến tạo thị dân quá khứ như những người tạo nên tinh hoa của thành phố: “*Cái gọi là ‘Hà Nội’ còn lặng đặng ở ngày hôm nay, chắc chắn là nhờ dư lực của lớp người giống như cậu. Những người biết cái hay của Tây nhưng vẫn tự nhiên tiêu sái giữ được khí cốt Đông phương của mình*” [6; tr.173]. Cái đẹp của thị dân còn được nhìn nhận từ góc độ văn hoá, khi có những kết tinh về nghệ thuật ẩm thực, cả trong thường thức lẫn chế biến, đó là những món ngon trong kí ức của người mẹ: “*bún ốc phố Nhà Chung, bún chả dốc Bà Triệu. Và nhất là tôm cuốn chợ Đông Xuân*” [6; tr.313] và nghệ thuật nấu ăn tinh tế “*thái chỉ su hào không dùng thớt, phải để trên lòng bàn tay sắt bằng dao cau sắc*” [6; tr.313]. Diễn ngôn được

kiến tạo về thị dân trên chiều kích quá khứ luôn đẹp và được phủ lên bởi cái nhìn ngưỡng vọng về thời vàng son đã mất.

Diễn ngôn, như đã nói, luôn tồn tại các xung lực đối kháng. Trong diễn ngôn phê phán, thị dân lại bị mô tả như những kẻ thực dụng, mất phương hướng trong sự phát triển đô thị hoá. Trong chiều kích quá khứ, ở giai đoạn thuộc địa, thị dân khi trở thành cộng sự của người Pháp luôn được khắc họa với tình trạng xấu xí, kệch cỡm và trở thành đối tượng bị phê phán. Những người An Nam cùng đi xem kịch cùng người Tây tại nhà hát lớn trở thành những tên hề lộ bịch “*mặc quan phục loè xoè sặc sỡ*” [6; tr.150] và bị dán nhãn thẳng thừng từ diễn ngôn là “*bọn hạ tiện*” [6; tr.150]. Những mặt xấu của đời sống thị dân hiện ra, ngoài tầng lớp tinh tuyền, có giáo dục, còn có những thành phần mặt trái của đời sống đô thị như nghiện hút, mại dâm, có thể đọc chệch tên của Hội Khai Trí Tiến Đức (AFIMA) thành “*Association des fumietes et intrigants maquereaux et arrangistes*” [6; tr.163]. Cũng tương ứng với diễn ngôn về thị dân đầy thiên cảm và ngưỡng mộ phía trên, diễn ngôn phê phán về tầng lớp thị dân này không khai thác trên chiều kích quá khứ, mà đưa ra những cảnh báo và những nguy cơ ở tương lai. Tầng lớp thị dân mới, những người đến sau cơn sốt bất động sản của thành phố, những thị dân mới gia nhập, đang kiến tạo những diễn ngôn mới, và điều đó trở thành đối tượng của sự châm biếm. Tuy châm biếm tình trạng lộ bịch đó, nhưng không thể phủ nhận chính những thị dân mới kia đang kiến tạo những diễn ngôn mới về thị dân trong môi trường đô thị. Hình ảnh đám khách và con nhang đệ tử đi thăm bà đồng Lạc bị ốm vì ngã vừa kệch cỡm nhưng cũng vừa như một đám rước carnival, báo hiệu rằng chính họ sẽ là chủ nhân mới của không gian đô thị này: “*vừa bơi thuyền rồng vừa đeo súng lục, có người đội mũ cánh chuồn, có người đeo đai sư tử hí cầu [...] đồng thanh hát châu vãn, tay phải làm dấu thánh giá, tay trái gõ mõ*” [6; tr.331]. Rất có thể, như một ẩn dụ lớn, họ đang tổng tiền những giá trị cũ của đô thị Hà Nội là ông bà đồng Lạc, xác lập chính mình như chủ thể thị dân mới, và do đó, cũng đang trong quá trình kiến tạo diễn ngôn, đó là diễn ngôn về tầng lớp thị dân mang sức sống mới, tinh thần mới, thay thế những giá trị cũ, có thể kệch cỡm, nhưng cũng đầy vui nhộn và cởi mở, vừa phủ nhận vừa kế thừa những diễn ngôn gốc trong quá khứ.

Foucault, như đã đề cập ở trên, cho rằng một chủ thể không chỉ tồn tại dưới dạng một bản thể cố định, mà hình thức của nó luôn được sản sinh qua các mối quan hệ diễn ngôn, quá trình ấy rất phức tạp, không ổn định “*mà qua đó diễn ngôn có thể vừa là công cụ vừa là hệ quả của quyền lực, nhưng cũng là trở ngại, cản trở, là điểm kháng cự và là điểm bắt đầu cho một chiến lược đối nghịch*” [2; tr.159]. Ở trường hợp này, thị dân được khắc họa như một hình tượng luôn chuyển động, không chỉ trong diễn ngôn hoài niệm mà còn trong diễn ngôn phê phán. Họ được tái tạo liên tục thông qua các khả thể khác nhau, từ hình ảnh người mang nặng kí ức quá khứ, đến hình ảnh hiện tại, mới mẻ của tầng lớp mình. Diễn ngôn hoài niệm như là sự tôn vinh và kết nối với quá khứ, trong cách nhìn này, là quá trình “sản xuất” một nhận thức về giá trị, về đẹp truyền thống, từ đó khẳng định vị thế của những người được coi là tinh hoa của đô thị. Tương tự, diễn ngôn phê phán lại vạch ra những mặt tối của đời sống thị dân, hình ảnh về giới thị dân mới dù trào phúng nhưng cũng phản ánh sự chuyển mình của đô thị, lại thể hiện quan hệ đối kháng giữa các diễn ngôn, mở ra khả năng nhận thức mới về chủ thể thị dân. Thị dân không bị định hướng theo một giá trị khuôn cứng, mà còn liên tục tái hiện và làm mới qua diễn ngôn đa chiều, mở ra những khả năng tái cấu trúc bản sắc và văn hoá đô thị.

Như vậy, tầng lớp thị dân trên tư cách là đối tượng được kiến tạo diễn ngôn là một thực thể động, không hề khuôn cứng mà được kiến tạo và diễn giải qua các diễn ngôn khác nhau. Những diễn ngôn này không chỉ đến từ bên ngoài (diễn ngôn chính thống), mà đa phần đến từ chính nội bộ tầng lớp này (diễn ngôn tự giễu nhại, diễn ngôn tự phê bình, diễn ngôn hoài niệm, diễn ngôn phê phán). Điều này cho thấy sự vận động liên tục của các diễn ngôn tạo ra bức tranh đa chiều về thị dân trong đô thị: vừa là đối tượng bị áp đặt của các diễn ngôn chính thống, vừa phản kháng bằng các diễn ngôn, nhưng đồng thời cũng chính họ tự tiến hành những hoạt động diễn ngôn lên chính tầng lớp của mình để thể hiện sự hoài niệm về quá khứ cũng như sự cởi mở, thích nghi với hiện tại. Hình tượng thành phố, qua đây, được thể hiện với hai xung lực: một mặt luôn chịu sự diễn giải của thị dân, nhưng mặt khác cũng góp phần tham gia kiến tạo và làm nên gương mặt, căn tính của thị dân.

2.2. Thành phố như không gian động trong quá trình kiến tạo

2.2.1. Thành phố trong quá trình diễn giải và kiến tạo

Không gian thành phố trong *Thị dân tiểu thuyết* không phải một thực tại khách quan, trung tính, mà luôn được diễn giải và kiến tạo, luôn được làm mới. Thành phố như một văn bản liên tục

được làm mới từ nhiều điểm nhìn và quan niệm, không theo một mô tả cố định, mà luôn thay đổi tùy vào cách nó được kể lại, được nhớ lại, và như thế nghĩa là luôn tồn tại như một kết quả của quá trình “*gán định lên thực tại*” [5; tr.102], như một sản phẩm của diễn ngôn. Điểm nổi bật trong tiểu thuyết là sự va chạm, xung đột giữa các diễn ngôn về thành phố. Thành phố là nơi mà các thị dân đóng vai trò chủ thể kiến tạo diễn ngôn, nhưng mặt khác, cũng là bối cảnh mà thị dân tồn tại, vì thế đó còn là tác nhân tham gia vào diễn ngôn về thị dân như một đối tượng được kiến tạo diễn ngôn.

Thành phố luôn trong trạng thái trở thành diễn ngôn. Ở phương diện thứ nhất, nó được lí tưởng hoá như một kết tinh của các biểu tượng văn hoá, hội tụ trọn vẹn vẻ đẹp trong chiều kích suy tư và hoài niệm của thị dân. Đó là thời mà thành phố, trong sự thêu dệt của những huyền thoại, đã từng có núi, đã từng “*thơm và sạch*” trong một quãng thời gian mơ hồ là “*lúc ấy*” [6; tr.23], “*ngày này còn thanh sạch*” [6; tr.162] trong dòng thời gian của “*âm*” Bình, nghĩa là Hà Nội trước khi có dấu vết của đô thị phương Tây và mang dáng dấp của thuộc địa. Đến thời kì thuộc địa, với quá trình Âu hoá hiện diện trực tiếp qua quy hoạch đô thị và các công trình kiến trúc, Hà Nội bộc lộ phương diện thứ hai của nó, là một quá trình hỗn độn và có khi quanh co, mơ hồ trong quá trình hiện đại hoá. Không gian Thăng Long - Kẻ Chợ mà đến thời “*âm*” Bình vẫn còn phảng phất, nay bắt đầu bước vào cuộc chuyển mình lớn, “*Hà Nội của cậu sẽ còn bị bọn Phú Lang Sa bóc ngang bóc giữa nát toét nhiều lần nữa*” [6; tr.149], bị người Pháp, những thế lực xa lạ với văn hoá truyền thống, kiến tạo lại một cách thô bạo, đến bà Kiệu thì bị “*đại lộ Francis Garnier bóc làm đôi*” [6; tr.149], còn vùng ven bờ hồ thì được quán chiếu trên chiều dài lịch sử còn dài hơn, từ Rue Pottier đến lều trông cá và “*mãi sau sẽ thành nhà Thủy Tạ thì dừng*” [6; tr.149]. Quá trình xâm thực văn hoá khiến diễn ngôn về thành phố trở thành một không gian bị mất phương hướng. Song, sau khi thành phố được tái định hình, nghĩa là đã đi vào sự ổn định, những giá trị tân thời Tây phương không còn bị kì thị và được chấp nhận, diễn ngôn phê phán và kì thị ấy đã biến mất, hay đúng hơn là chuyên hoá, trở thành phương diện thứ ba của diễn ngôn về thành phố: Hà Nội như một đô thị cởi mở, sẵn sàng dung chứa mọi giá trị khác biệt, có sức chứa và sức tổng hợp năng động những giá trị đối đầu nhau. Như thế, diễn ngôn về thành phố, đến đây, là một khả thể mới được sinh ra từ những diễn ngôn trước. Đô thị, đến thời của Tĩnh, Tùng, đã không còn là nơi đối đầu kịch liệt giữa các giá trị đông tây. Những tôn giáo đã dung hoà và chấp nhận sự tồn tại của những công trình kiến trúc của nhau như một điều đương nhiên, “*đầu phố có một nhà thờ to vừa phải nằm sâu trong khuôn viên có tượng bà Maria bế con mênh mông rộng. Giữa phố có chùa và cuối phố có đền*” [6; tr.150]. Những cảnh quan và kiến trúc từng một thời bị kì thị là sản phẩm của Tây phương như các công trình kiến trúc thì nay trở thành tiêu chuẩn mới của diễn ngôn cái đẹp, bà Thái Long đã quyết tâm không cho con và cháu, làm cả di chúc để đảm bảo ngôi nhà mà gia đình bà có được từ thời Pháp thuộc, có giàn hoa giấy không bị bán đi. Những tác phẩm nghệ thuật mang diễn ngôn về sự hoà hợp giữa các giá trị đối lập nhau đã xuất hiện từ lâu, trong những bức phù điêu từ tận thời Trương Ba đã khắc hoạ chúa Jesus và Đức Mẹ mang những khuôn mặt Việt Nam [6; tr.85], còn nhà thờ thì xây nên xinh xắn như ngôi đền Đông Á. Ngay từ dòng thời gian của “*âm*” Bình, diễn ngôn về Hà Nội như là nơi dung chứa mọi giá trị đã xuất hiện, “*sẽ không bao lâu nữa, tiếng chuông từ nhà thờ của ông cũng sẽ thiêng liêng bình hoà gần gũi với mọi người dân Việt như tiếng chuông chùa. Nhất là ở nơi yêu dấu này, Thăng Long thành vốn phi chiến địa*” [6; tr.170]. Như vậy, không gian đô thị mang trong mình cái đẹp không phải vì nó là một diễn ngôn về cái đẹp bất biến, toàn năng, không bao giờ thay đổi. Cái đẹp của đô thị là cái đẹp của sự cởi mở, dung chứa những giá trị mới.

Diễn ngôn về thành phố vẫn chưa kết thúc, và có lẽ, trong chiều hướng vận động của tiểu thuyết, là sẽ không bao giờ kết thúc. Điều này biến thành phố thật sự giống như một sản phẩm của diễn ngôn, rằng diễn ngôn không phải là “*thứ có tính cố kết trọn vẹn*” [2; tr.113]. Thành phố như là nơi dung hợp những giá trị khác biệt về dân tộc và tôn giáo tiếp tục chịu sự tác động và biến đổi, bản thân nó phải chịu những xung đột mới mà chính nó, trên tư cách là một diễn ngôn, đã mở ra tiền đề. Hà Nội không còn phải đối mặt với những vấn đề như sự xâm thực văn hoá từ những yếu tố ngoại lai, hay nguy cơ biến mất các cảnh quan do mâu thuẫn tôn giáo. Đến thời của Tùng, đời con của ông Lâm, không gian đô thị đối diện với nguy cơ đánh mất chủ thể. Diễn ngôn thứ tư về thành phố xuất hiện, đó là không gian của sự giàu nài, với sự lố lăng, kệch cỡm của tầng lớp thị dân mới và khả năng suy tàn của diễn ngôn về cái đẹp vừa mới được kiến tạo chưa đầy một thế kỉ. Tầng lớp thị dân mới tiến vào không gian đô thị theo sự biến đổi của kinh tế thị trường. Trước cám dỗ của tiền bạc, ngay cả độc đinh duy nhất trong nhà như Sĩ “*điếc*” cũng “*bán xong nhà*” [6; tr.272]. Quá

trình này gây ra sự biến đổi cho đô thị còn nhiều hơn cả khi người Pháp vào Hà Nội, vì đây là quá trình chủ thể của đô thị đổi vai, từ “trung tâm” ra “ngoại vi” của không gian phố. Những thị dân mới được khắc họa như “*ma quỷ nhập trần*”, vừa như khắc họa sự châm biếm của chủ thể đô thị với diễn ngôn chính thống, đó là tầng lớp quan chức mới, “*có thằng tãi xế riêng công khai đeo súng ngắn. Cướp mà gặp quan thì bán linh có nghiêng gò cũng run rẩy hiện hình giống như con ếch gặp hổ mang chúa*” [6; tr.272]. Sự thay da đổi thịt này có thể được nhìn nhận như sự suy tàn của những giá trị truyền thống trước sự biến đổi của thời cuộc. Song, từ góc độ diễn ngôn, đó chẳng qua là một phần của diễn ngôn thống nhất về thành phố: thành phố là một không gian năng động. Nó có thể có nhiều đời chủ mới, có thể có những giá trị đến, ở lại và ra đi, nhưng thành phố là thực thể luôn dung nạp tất cả những giá trị đó và cho phép nó được tồn tại và phát triển. Sự lố lỉnh của lớp thị dân mới, đối với thành phố, không khác gì nhiều so với thời mà người Pháp quy hoạch và tái cấu trúc Hà Nội, gây ra những cảnh dở khóc dở cười như vụ phá dỡ chùa Thạch Bà. Không gian đô thị là không gian của sự cởi mở, độ lượng, nó dung nạp mọi giá trị để tự làm đầy chính mình. Sự độ lượng của nó rất dễ khiến nó trở nên mất căn tính, chênh vênh giữa những hệ giá trị, đánh mất đi sự ngay ngắn, mất đi cả cái cốt lõi là chủ thể kiến tạo là lớp thị dân cũ, những người còn lại cũng như ông Lâm sẽ loay hoay nghĩ xem có nên bán nốt không, hay loài hoa biểu trưng cho tinh thần của phố là “*cây Bạch Bạch tìm mãi không thấy, chứ đừng nói nó đơm hoa*” [6; tr.174], nhưng đến cuối cùng, thành phố sẽ dung hợp được tất cả, mặc kệ những biến đổi về cảnh quan hay con người, “*vẫn phảng phất hương của hoa Bạch Bạch*” [6; tr.305]. Đó là diễn ngôn bao trùm, hội tụ quan niệm về thành phố của Nguyễn Việt Hà trong tiểu thuyết.

2.2.2. Thành phố như một “không gian dị biệt” (*heterotopia*)

Để hiểu hơn về quan niệm nghệ thuật trên của Nguyễn Việt Hà, có thể liên tưởng đến khái niệm mà M. Foucault từng đề cập như một điểm nhìn để khám phá các không gian, đó là “dị biệt không gian”/ “không gian dị biệt” (*heterotopia*) [3; tr.24], được ông đề cập đến lần đầu trong bài giảng “Of other spaces” (“Về không gian khác”) trước các sinh viên ngành kiến trúc, và sau đó được đăng trên tạp chí phê bình *Diacritics* năm 1986. Bài viết sẽ tham chiếu từ điểm nhìn của Foucault trong bài viết trên để làm sáng tỏ Hà Nội như một không gian *heterotopia*. Foucault trình bày về không gian dị biệt *heterotopia* với các đặc điểm như sau: một không gian có thể biến đổi chức năng theo thời gian; có khả năng tập hợp nhiều không gian khác nhau vào cùng một địa điểm thực; thường liên kết với các “*lát cắt thời gian*” (*heterochrony*); luôn giả định một hệ thống đóng/mở đặc thù, khiến chúng vừa bị cô lập, vừa có thể thâm nhập, khác với không gian công cộng thông thường; có chức năng với tất cả không gian nằm bên ngoài nó, vừa lật tẩy ảo tưởng, vừa xây dựng ảo tưởng [3; tr.23 - tr.27].

Trong tiểu thuyết, không gian đô thị Hà Nội được khắc họa như một không gian dị biệt. Đó là một không gian đa lớp, không cố định. Đó không phải một thực thể khách quan hay một “*thực tại*” duy nhất, mà là sản phẩm của diễn ngôn, những cách kể, nhớ, chất vấn về thành phố. Không gian dị biệt luôn được gắn định và tái tạo qua quá trình diễn ngôn, trong tiểu thuyết, Hà Nội được tái tạo theo những cách khác nhau, phản ánh sự thay đổi và đa dạng của không gian đô thị. Hà Nội cũng là không gian đô thị, với tính chất liên kết với các lát cắt thời gian, cắt ngang dòng thời gian của nó ở đặc điểm luôn trong tình trạng giao thoa giữa quá khứ và hiện tại. Hà Nội vừa mang dáng dấp của thành phố vàng son, với kí ức, cảnh quan, công trình kiến trúc đặc trưng quá khứ, cũng vừa hiện hữu dưới hình thức của đô thị hiện đại, bị ảnh hưởng bởi sự xâm thực của văn hoá phương Tây và quá trình hiện đại hoá. Sự chênh lệch này tạo không gian dị biệt nơi quá khứ và hiện tại đan xen, đối chiếu lẫn nhau, làm nổi bật tính đa chiều của thành phố. Thành phố cũng liên tục được tái tạo qua các diễn ngôn khác nhau, từ diễn ngôn hoài niệm, phê phán đến những định nghĩa thị dân mới mẻ, với mỗi diễn ngôn là một quan niệm, giá trị riêng đồng thời đối lập và cạnh tranh nhau. Nó phản ánh đặc trưng của không gian *heterotopia* như một không gian chứa đựng nhiều khả thể khác nhau, nơi sự khác biệt được thể hiện và thậm chí tạo ra cơ hội cho những giá trị mới, góp phần phong phú thêm sự đa diện của Hà Nội. Foucault miêu tả không gian dị biệt như là nơi mà các quan hệ trong không gian ấy đảo ngược, phản chiếu và thách thức nhau, giống như những giá trị truyền thống, những kí ức về Hà Nội đối lập với hiện tại đô thị hỗn độn và hiện đại, hay những trải nghiệm của thế hệ trước nhìn vào thế hệ sau, các diễn ngôn tự giễu, phản tự và phê phán của thị dân về bản sắc đô thị không chỉ thể hiện sự bất mãn mà còn là cách thức lật tẩy những mâu thuẫn, tạo cơ hội cho những diễn ngôn tái cấu trúc mới các giá trị văn hoá ra đời. Điểm quan trọng nhất, thành phố với

không gian dị biệt là một không gian mở và đón nhận sự đa dạng. Trong quan niệm về không gian dị biệt, thành phố không chỉ là nơi bị chi phối bởi quy chuẩn, mà còn là không gian dung chứa, kết hợp nhiều giá trị khác nhau. Thành phố Hà Nội trong tiểu thuyết được khắc họa như một nơi có thể tiếp nhận các giá trị đối lập: từ kiến trúc, nghệ thuật, âm thực, phong cách sống. Qua đó, có thể nhận thấy rằng, chính đô thị cũng là một tác nhân “sản xuất” những chủ thể và những diễn ngôn mới, cho thấy tính năng động, khả năng tái tạo không ngừng của không gian đô thị.

Như vậy, qua những miêu tả không gian đô thị của Nguyễn Việt Hà, không gian đô thị Hà Nội có thể được nhìn nhận như một không gian dị biệt/ *heterotopia* theo định nghĩa của Foucault, một không gian luôn không cố định, luôn trong trạng thái tái định hình qua các dòng chảy diễn ngôn đa chiều, nơi quá khứ - hiện tại, truyền thống - hiện đại, ta - Tây,... cùng đối lập và cùng hoà hợp để tồn tại. Điều này không chỉ bộc lộ quan niệm nghệ thuật của tác giả, mà còn mở ra cách nhìn mới trong việc định nghĩa không gian đô thị.

3. KẾT LUẬN

Thông qua việc phân tích hình tượng thành phố trong *Thị dân tiểu thuyết* như một thực thể diễn ngôn, bài viết đã chỉ ra rằng thị dân trong thành phố như vừa là chủ thể diễn giải, vừa là đối tượng được kiến tạo bởi không gian đô thị. Thị dân trong tiểu thuyết hiện lên như một chủ thể năng động, sẵn sàng điều chỉnh ý nghĩa không gian sống. Trong khi đó, Hà Nội được kiến tạo như một *heterotopia* – không gian không đồng nhất, nơi các trật tự bị đảo lộn, các giá trị bị giễu nhại và hệ giá trị được tái lập không ngừng. Từ đó, *Thị dân tiểu thuyết* kiến tạo một diễn ngôn thống nhất về không gian đô thị cũng như một không gian linh hoạt, liên tục cập nhật, sẵn sàng tự nói rộng mình để dung chứa các giá trị mới, thể hiện nhân quan dân chủ về đô thị của Nguyễn Việt Hà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Foucault, Michel (2022), *Giám sát và Trừng phạt: Nguồn gốc nhà tù*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
2. Foucault, Michel (2024), *Lịch sử tính dục*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Foucault, Michel (1986), “Of other spaces.” *Diacritics: A Review of Contemporary Criticism*, vol. 16, no.1, pp. 22-27.
4. Mills, Sara (1997), *Discourse*, Routledge.
5. Mills, Sara (2001), *Michel Foucault*, Nxb Dân trí, Hà Nội.
6. Nguyễn Việt Hà (2019), *Thị dân tiểu thuyết*. Nxb Trẻ, Hà Nội.
7. Trần Văn Toàn (2024), *Văn học như một diễn ngôn: Lí thuyết diễn ngôn của M. Foucault và văn học sử Việt Nam*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

METROPOLIS AS A DISCOURSE: THE CONFIGURATION OF URBAN SPACE IN NGUYỄN VIỆT HÀ'S “THỊ DÂN TIỂU THUYẾT”

Abstract: This article examines Nguyễn Việt Hà's novel *Thị dân tiểu thuyết* from a discourse-analytical perspective, combining discourse analysis with Michel Foucault's concept of heterotopia to highlight the ways in which both the urban subject (*thị dân*) and urban space are constructed within the literary text. Through two key arguments - the *thị dân* as an active subject within urban space, and the city as a heterotopic space in the process of discursive construction - the article elucidates the complex interplay between structures of power, memory, and the subject's processes of construction and self-interpretation. In doing so, it demonstrates how Nguyễn Việt Hà deploys a discourse that reconfigures the notion of Hanoi within the consciousness of the urban citizen. The novel is thus approached as a discursive space in which memory, history, power, and identity are continuously interpreted and restructured.

Keywords: Space, city, discourse, heterotopia, urban subject, *Thị dân tiểu thuyết*, Nguyễn Việt Hà.